

KIM CƯƠNG GIỚI MAN ĐA LA

Phẩm IX

GIÁNG TAM THỂ YẾT MA HỘI

TRAILOKYA-VIJAYA-KARMA-MANḌALA



Biên soạn: HUYỀN THANH

Bản cập nhật tháng 11/2014

Kinh Mật Giáo: <http://kinhmatgiao.wordpress.com>

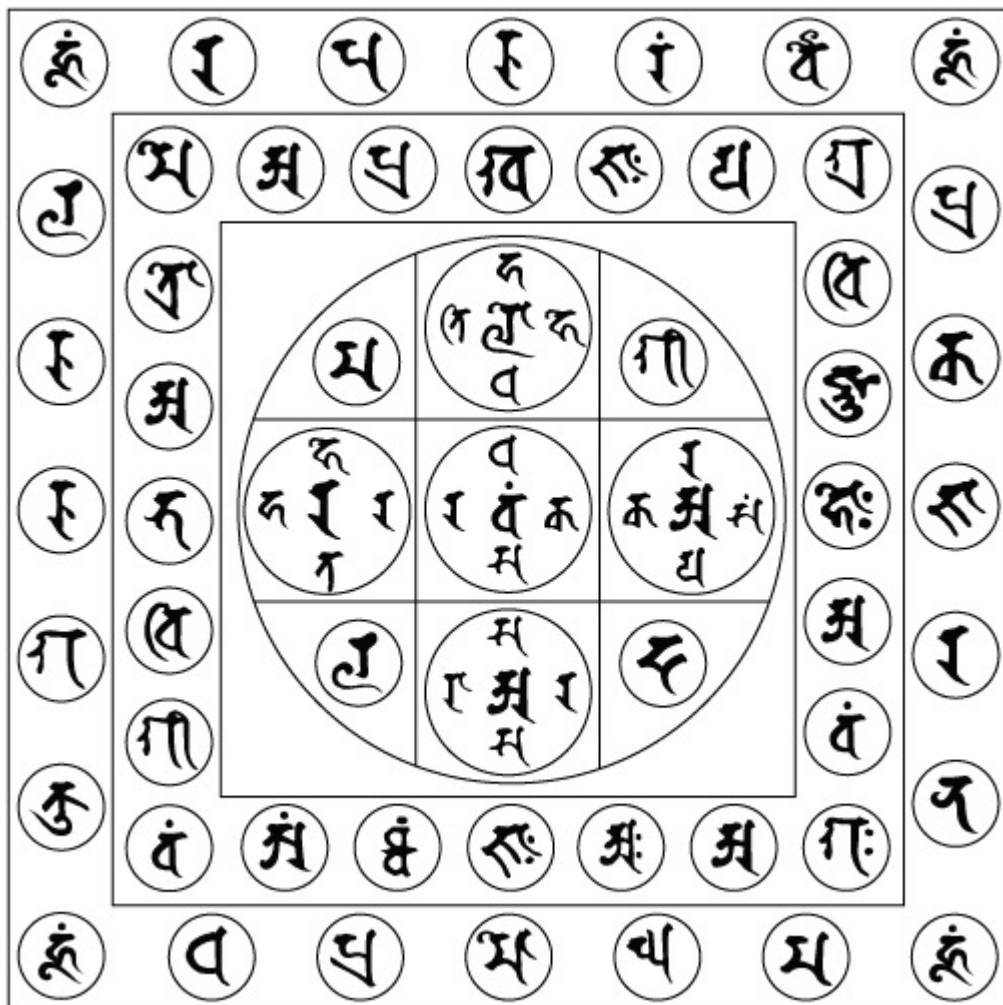
GIÁNG TAM THẾ YẾT MA HỘI (Trailokya-vijaya-karma)

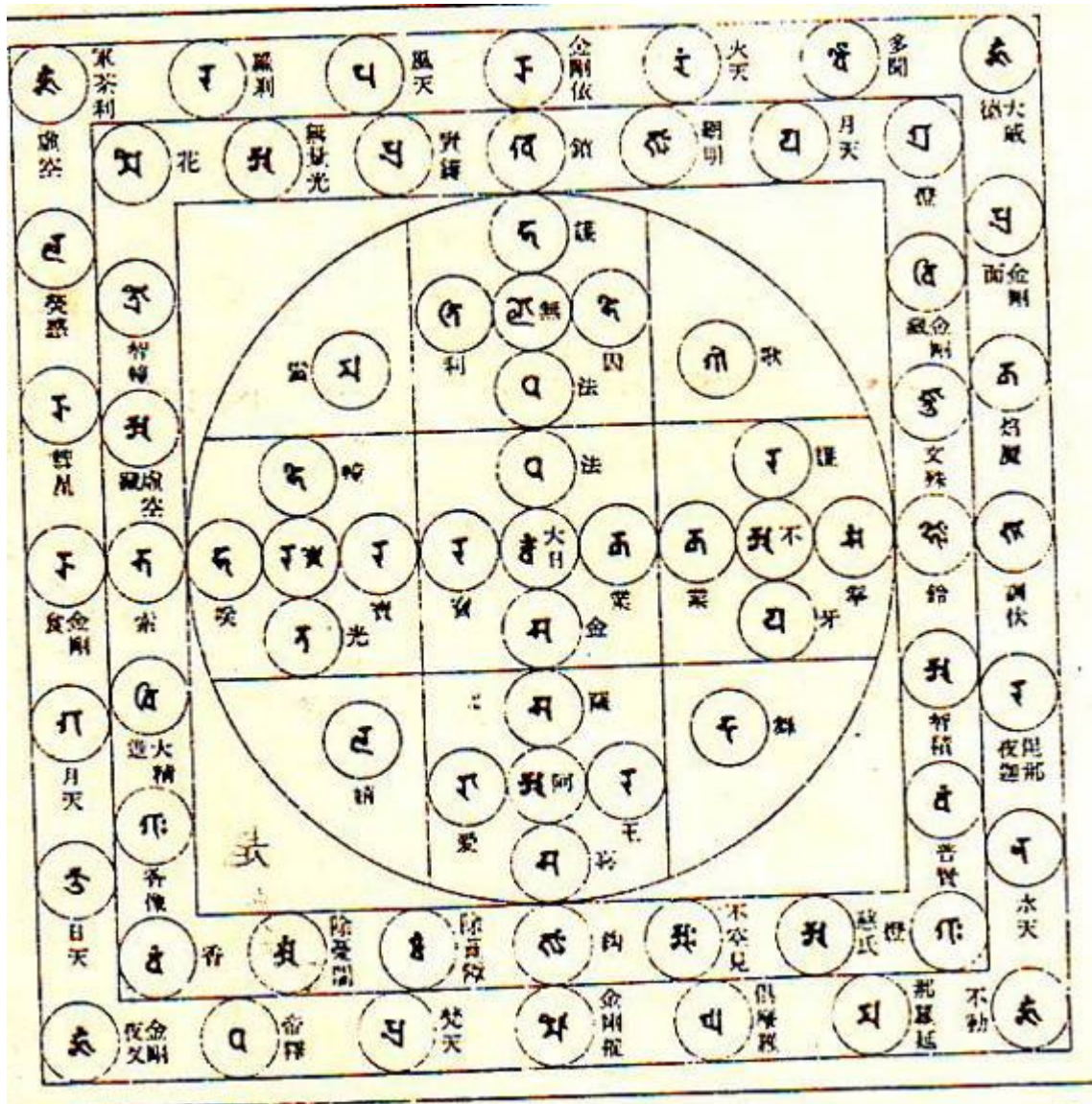
Giáng Tam Thế Yết Ma Hội lại xưng là Hàng Tam Thế Yết Ma Hội là Hội thứ tám trong 9 Hội của Hiện Đồ Kim Cương Giới Man Đa La, có vị trí ở phương bên trái của Thành Thân Hội tức phương Bắc của Hiện Đồ Man Đa La.

Ở trong Hội này, Đại Nhật Như Lai hiện tướng phần nộ, biểu thị cho việc Đại Nhật Như Lai dùng Trí Kim Cương Bất Hoại điều phục chúng sinh khó cảm hóa. Hai bàn chân của Ngài đạp lên **Đại Tự Tại Thiên** (Mahesvara) và **Ô Ma Phi** (Uma) để bày tỏ tướng đoạn diệt hai chướng **phiền não, sở tri** của ba đời. Cho nên các Tôn trong Hội này trụ ở thân Yết Ma của Giáng Tam Thế Minh Vương.

Vị trí, hình tượng trong đồ hình tương đồng với Thành Thân Hội. Trong đó Đại Nhật Như Lai trụ ở Trí Quyền Ấn hiện thân giáng phục 4 Ma. Chung quanh: 4 vị Phật với 16 vị Bồ Tát cũng đều giao chéo quyền, hiện hình phần nộ.

Số lượng các Tôn của Hội này với Tam Ma Gia Hội đều có 73 Tôn, gia thêm 4 vị Đại Minh Vương (Bất Động, Kim Cương Dạ Xoa, Quân Đồ Lợi, Đại Uy Đức) ở bốn góc bên ngoài nên tổng cộng có 77 Tôn.





- _ Vòng tròn chính giữa là vị trí của **Đại Nhật Như Lai** (𑖀𑖔𑖡𑖛)
- Chung quanh là bốn vị **Ba La Mật Bồ Tát** (Pāramitā-bodhisatva) gồm có:
 - Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát** (Vajra-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖔𑖡𑖛𑖔𑖡𑖛)
 - Bảo Ba La Mật Bồ Tát** (Ratna-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖔𑖡𑖛𑖔𑖡𑖛)
 - Pháp Ba La Mật Bồ Tát** (Dharma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖔𑖡𑖛𑖔𑖡𑖛)
 - Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát** (Karma-pāramitā-bodhisatva) (𑖀𑖔𑖡𑖛𑖔𑖡𑖛).
- _ Vòng Giải Thoát ở phương Đông là vị thế của **A Súc Như Lai** (𑖀𑖔𑖡𑖛)
- Chung quanh có bốn vị **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajña-Bodhisatva) là:
 - Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva) (𑖀𑖔𑖡𑖛) (Giáng Tam Thế Minh Vương)
 - Kim Cương Vương** (Vajra-rāja) (𑖀𑖔𑖡𑖛)
 - Kim Cương Ái** (Vajra-rāga) (𑖀𑖔𑖡𑖛)
 - Kim Cương Hỷ** (Vajra-sādhū) (𑖀𑖔𑖡𑖛).
- _ Vòng Giải Thoát ở phương Nam là vị thế của **Bảo Sinh Như Lai** (𑖀𑖔𑖡𑖛)
- Chung quanh có bốn vị **Bát Nhã Bồ Tát** (Prajña-Bodhisatva) là:
 - Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna) (𑖀𑖔𑖡𑖛)
 - Kim Cương Quang** (Vajra-Teja) (𑖀𑖔𑖡𑖛)
 - Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu) (𑖀𑖔𑖡𑖛)

Kim Cương Tiểu (Vajra-hāsa) (𑖔)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Tây là vị thế của **Vô Lượng Thọ Như Lai** (𑖔)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Pháp (Vajra-dharma) (𑖕)

Kim Cương Lợi (Vajra-tīkṣṇa) (𑖖)

Kim Cương Nhân (Vajra-hetu) (𑖗)

Kim Cương Ngữ (Vajra-bhāṣa) (𑖘)

_ Vòng Giải Thoát ở phương Bắc là vị thế của **Bất Không Thành Tựu Như Lai**

(𑖙)

Chung quanh có bốn vị Bát Nhã Bồ Tát (Prajña-Bodhisatva) là:

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) (𑖚)

Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa) (𑖛)

Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa) (𑖜)

Kim Cương Quyên (Vajra-saṃdhi) (𑖝)

Giữa bốn vòng Giải Thoát là bốn vị Kim Cương Nữ (Vajrī) là:

Kim Cương Hý (Vajra-lāsī) (𑖞)

Kim Cương Man (Vajra-mālā) (𑖟)

Kim Cương Ca (Vajra-gītā) (𑖠)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye) (𑖡).

_ Trong hình vuông thứ hai gồm có 4 Ngoại Cúng Đường, 4 Nhiếp, 16 Bồ Tát đời Hiền Kiếp

Ở bốn góc của hình vuông có 4 vị Kim Cương Nữ là:

Kim Cương Phần Hương (Vajra-dhūpa) (𑖢)

Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa) (𑖣)

Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka) (𑖤)

Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha) (𑖥)

Giữa 4 vị Nữ Cúng Đường là :

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Trì Ưu Âm Bồ Tát (𑖦)

Trì Cái Chướng Bồ Tát (𑖧)

Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuśa) (𑖨)

Bất Không Kiến Bồ Tát (𑖩)

Di Lặc Bồ Tát (𑖪)

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Trì Tràng Bồ Tát (𑖫)

Kim Cương Tràng Bồ Tát (𑖬)

Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) (𑖭)

Đại Tinh Tiến Bồ Tát (𑖮)

Hương Tượng Bồ Tát (𑖯)

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

Vô Lượng Quang Bồ Tát (𑖰)

Hiền Hộ Bồ Tát (𑖱)

Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa) (𑖲)

Võng Minh Bồ Tát (𑖳)

Nguyệt Quang Bồ Tát (𑖔)

) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

Kim Cương Tạng Bồ Tát (𑖕)

Văn Thù (𑖖) (?Vô Tận Ý Bồ Tát)

Kim Cương Linh (Vajrāveśa) (𑖗)

Trí Tích Bồ Tát (𑖘) (?Văn Thù Bồ Tát)

Phổ Hiền Bồ Tát (𑖙)

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pāla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

Đế Thích (Śakra) (𑖚)

Phạm Thiên (Brahma) (𑖛)

Kim Cương Tồi (Vajra-vikirāṇa) (𑖜)

Câu Ma La (Kumāra) (𑖝)

Na La Diên (Nārāyaṇa) (𑖞)

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

Huỳnh Hoặc (Piṅgala) (𑖟)

Tuệ Tinh (Ketu) (𑖠)

Kim Cương Thực (Vajra-bhakṣam) (𑖡)

Nguyệt Thiên (Candra) (𑖢)

Nhật Thiên (Āditya) (𑖣)

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

La Sát (Rākṣasa) (𑖤)

Phong Thiên (Vāyu) (𑖥)

Kim Cương Y (Vajra-vaśi) (𑖦)

Hỏa Thiên (Agni) (𑖧)

Đa Văn (Vaiśravaṇa) (𑖨)

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

Kim Cương Diện (Vajra-mukha) (𑖩)

Diêm Ma (Yama) (𑖪)

Điều Phục (Vajra-jaya) (𑖫)

Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka) (𑖬)

Thủy Thiên (Varuṇa) (𑖭)

_ Góc Đông Nam: **Kim Cương Dạ Xoa (𑖮)**

_ Góc Tây Nam: **Quân Đồ Lợi (𑖯)**

_ Góc Tây Bắc: **Đại Uy Đức (𑖰)**

_ Góc Đông Bắc: **Bất Động (𑖱)**

1_ Đại Nhật Như Lai (Vairocana):

Chữ chủng tử là: VAM (ॴ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, bên trên có cái Tháp.



Chân Ngôn là:

ॴ म ह वै र व न ॴ

OM_ MAHĀ-VAIROCANA VAM

2_ Kim Cương Ba La Mật Bồ Tát (Vajra-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: SA (𑖰)

Tôn Hình: Tay phải nắm quyền rũ xuống dưới, tay trái cầm hoa sen nở rộ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

ॐ स त्वा वज्र ज्वाला माला हुं ह्र

HŪM SATVA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪM PHAṬ

3_ Bảo Ba La Mật Bồ Tát (Ratna-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: RA (ॠ)

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen bên trên có Tam Biện Bảo Châu, tay phải kết Dữ
Nguyên Ấn.



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe Pháp trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

ॐ र त्वा वज्र ज्वाला माला हुं ह्र

OM_ RATNA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪM TRĀḤ

4_ Pháp Ba La Mật Bồ Tát (Dharma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chủng tử là: DHA (ॡ)

Tôn Hình: Hai tay chấp lại cầm hoa sen.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cỏ trên hoa sen, bên trên có hoa sen chưa nở.



Chân Ngôn là:

ॐ धर्मवज्र ज्वाला माला ह्रीं

OM_ DHARMA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪM HRĪḤ

5_ Nghiệp Ba La Mật Bồ Tát (Karma-pāramitā-bodhisatva):

Chữ chung tử là: KA (𑖕).

Tôn Hình: Tay trái cầm hoa sen, tay phải ngửa lòng bàn tay.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma (Thập Tự Tam Cổ Chử) trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖅𑖜𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖘𑖙 𑖚𑖛 𑖜𑖝 𑖞𑖟

OM_ KARMA-VAJRA JVALA-MĀLĀ HŪM AH

6_ A Súc Như Lai (Akṣobhya):

Chữ chung tử là: A (𑖀)

Tôn Hình: Đầu đội mào báu, hiện tư thế của **Kim Cương Hồng Ca La** (Vajrahūm-kara).



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cỏ nằm ngang trên hoa sen, ở trên chày có một chày Ngũ Cỏ dựng đứng.



Chân Ngôn là:

ॐ 𑖀𑖛𑖔𑖕𑖖𑖗 𑖀

OM_ AKṢOBHYA A

7_ Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-satva)

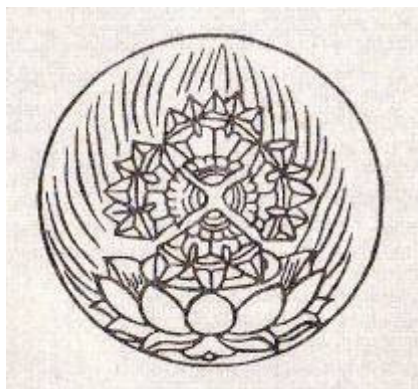
Trong Hội này, Kim Cương Tát Đỏa hiện thân phần nộ là nơi hóa hiện của Đại Nhật Như Lai. Thân này có tên gọi là **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Trailokya-vijaya). Lại xưng là Thắng Tam Thế, Nguyệt Yêm Tôn, Phần Nộ Trì Minh Vương... Là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ thuộc 5 Bộ.

Chữ chung tử là: SA (𑖀𑖛) hay HŪM (𑖞)

Tôn Hình: Đồng với Giáng Tam Thế Minh Vương. Thân màu đen xanh, 4 mặt 8 cánh tay, đội mào tóc lửa, mỗi mặt đều có 3 mắt. Mặt chính màu xanh, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lục, mặt phía sau màu hồng. Hai tay thứ nhất để trước ngực, kết Ấn. Bên phải: Tay thứ hai cầm chày Kim Cương, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư cầm cây đao. Bên trái: Tay thứ hai cầm chày Tam Cỏ, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư cầm sợi dây. Bàn chân trái đạp lên Tự Tại Thiên (Mahe'svara), bàn chân phải đạp lên Ô Ma Phi (Uma).



Tam Muội Gia Hình là: Chày Thập Tự Ngũ Cổ.



Tượng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रसत्त्वं क्रोधा हूं फट्
 ॐ वज्रसत्त्वं क्रोधा हूं फट्

OM – SUMBHA NISUMBHA HŪM – GRHṆA GRHṆA HŪM – GRHṆA
 APAYA HŪM – ĀNAYA HOḤ – BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAṬ

Hay ॐ वज्रसत्त्वं क्रोधा हूं फट्

OM_ VAJRA-SATVA KRODHA HŪM PHAṬ

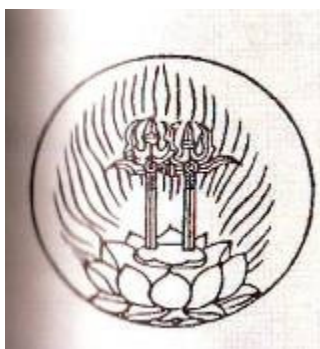
8_ Kim Cương Vương (Vajra-rāja):

Chữ chủng tử là: RA (𑖕)

Tôn Hình: Hiện tư thế của **Kim Cương Hồng Ca La** (Vajra-hūṃ-kara).



Tam Muội Gia Hình là: Hai móc câu Kim Cương dựng đứng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रक्रोधाकार्षाकार्षा हूं फट्

OM_ VAJRA-KRODHA ĀKARṢA ĀKARṢA HŪM PHAT

9_ Kim Cương Ái (Vajra-rāga):

Chữ chủng tử là: RĀ (𑖦)

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La (Vajra-hūm-kara).



Tam Muội Gia Hình là: Hai chày Tam Cỏ dựng đứng, trên dưới đều có một cái chày giao chéo nhau.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र क्रम क्रोध रागया हूं ह्रूं

OM_ VAJRA-KĀMA-KRODHA RĀGAYA HŪM PHAT

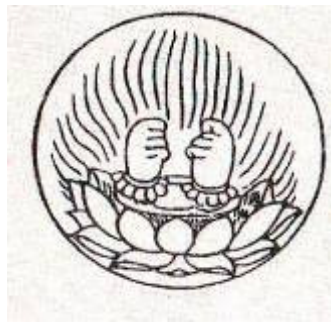
10_ Kim Cương Hỷ (Vajra-sādhū):

Chữ chủng tử là: SA (𑖰).

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La (Vajra-hūm-kara).



Tam Muội Gia Hình là: Hai tay kèm đứng, làm hình búng ngón tay.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्र तुष्टि क्रोध सवसव हूं ह्रूं

OM_ VAJRA-TUṢṬI-KRODHA SĀDHU SĀDHU HŪM PHAT

11_ Bảo Sinh Như Lai (Ratna-saṃbhava):

Chữ chủng tử là: RA (𑖠)

Tôn Hình: Đầu đội mào báu, che kín vai, tay nắm Kim Cương Quyền giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang, bên trên có Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

ॐ रत्नसंभव र

OM_ RATNA-SAMBHAVA RA

12_ Kim Cương Bảo (Vajra-ratna):

Chữ chủng tử là: RA (𑖦)

Tôn Hình: Hiện tư thế của Kim Cương Hồng Ca La.



Tam Muội Gia Hình là: Trong lửa sáng có Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रभृकुटि क्रोधा हरा हरा ह्रूं ह्रा

OM_ VAJRA-BHRUKUTI KRODHA HARA HARA HŪM PHAṬ

13_ Kim Cương Quang (Vajra-Teja):

Chữ chủng tử là: TA (𑖦)

Tôn Hình: Nắm Kim Cương Quyền, hai cổ tay giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रसूर्य महज्वाल कृद क्रोध य ज्वाल ॐ ह्रूं

OM_ VAJRA-SŪRYA MAHĀ-JVALA MĀLĀ-KRODHA-JVALĀYA HŪM
PHAT

14_ Kim Cương Tràng (Vajra-ketu):

Chữ chủng tử là: HE (ॠ)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyển, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phương Như Ý.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रक्रोधाकेतु देहि हूं फट्

OM_ VAJRA-KRODHA-KETU DEHI HŪM PHAT

15_ Kim Cương Tiêu (Vajra-hāsa):

Chữ chung tử là: HA (𑖬)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tiêu (Tiểu Chử).



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रह्रिमक्रोधाकेतु देहि हूं फट्

OM_ VAJRA-AṬṬA-HĀSA-KRODHA HAḤ HAḤ HŪM PHAT

16_ Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyus):

Chữ chung tử là: LO (𑖬)

Tôn Hình: Khoác kín vai, hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau ở trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Ngũ Cổ nằm ngang trên hoa sen, trên chày có một chày Độc Cổ dựng đứng, trên đầu chày có hoa sen nở rộ.



Chân Ngôn là:

ॐ ཨ་ཀེ་ཤ་ལཱ་

OM_ LOKEŚVARA LO

17_ Kim Cương Pháp (Vajra-dharma):

Chữ chủng tử là: DHA (𑖣)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyển, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Liên Hoa Độc Cổ



Chân Ngôn là:

ॐ ཨ་ཀེ་ཤ་ལཱ་ཤ་ཀེ་ཤ་ལཱ་ཤ་ཀེ་ཤ་ལཱ་

OM_VAJRA-DHARMA-KRODHA-VINĀŚAYA VIŚODHĀYA HŪM PHAT

18_ Kim Cương Lợi (Vajra-tīkṣṇa):

Chữ chủng tử là: TI (𑖕)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Chân Ngôn là:

𑖘 𑖄 𑖚 𑖗 𑖔 𑖙 𑖛 𑖜 𑖝

OM_ VAJRA-TĪKṢṂA-KRODHA-CCHINDA HŪM PHAT

19_ Kim Cương Nhân (Vajra-hetu):

Chữ chủng tử là: HE (𑖙)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुरुक्षुप्रवृत्तिप्रवृत्तिय मण्डलं सर्वं कुरु

OM_ VAJRA-HETU-KRODHA-PRAVEŚA PRAVEŚĀYA MAṄḌALĀM
SARVA HŪṀ PHAT

20_ Kim Cương Ngũ (Vajra-bhāṣa):

Chữ chủng tử là: HA (𑖬)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyên, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Cái lưỡi Như Lai (Trong lưỡi có chày Tam Cổ).



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुरुक्षु वदवदं कुरु

OM_ VAJRA-KRODHA-BHĀṢA VADA VADA HŪṀ PHAT

21_ Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amogha-siddhi):

Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma bên trên chày Ngũ Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ AMOGHA-SIDDHI A

22_ Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma):

Chữ chủng tử là: KA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकर

OM_ VAJRA-KARMA

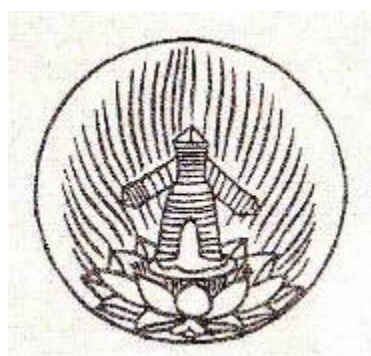
23_ Kim Cương Hộ (Vajra-rakṣa):

Chữ chủng tử là: RA (ॠ)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình: Giáp Trụ là chày Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकवचक्रोद्धर

OM_ VAJRA-KAVĀCA-KRODHA RAKṢA RAKṢA HŪM PHAṬ

24_ Kim Cương Dược Xoa (Vajra-yakṣa):

Chữ chủng tử là: YA (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Hai nhánh của chày Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयक्षकrodha khāda khāda hūṃ phaṭ

OM_ VAJRA-YAKṢA-KRODHA KHĀDA KHĀDA HŪM PHAṬ

25_ Kim Cương Quyền (Vajra-saṃdhi):

Chữ chủng tử là: SAM (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay nắm Kim Cương Quyền, giao chéo nhau trước ngực.



Tam Muội Gia Hình là: Hai tay nắm Kim Cương Quyền.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रक्रोदमुष्ठी सधया समय हूं ह्रूं

OM_ VAJRA-KRODHA-MUṢṬĪ SĀDHAYA SAMAYA HŪṢ PHAṬ

26_ Kim Cương Hý (Vajra-lāsī):

Chữ chung tử là: LA (𑖣)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ uốn cong.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रलसे रागया हूं ह्रूं

OM_ VAJRA-LĀSE RĀGAYA HŪṢ PHAṬ

27_ Kim Cương Man (Vajra-mālā):

Chữ chung tử là: MA (𑖣)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला अभिसिंका हूं हूं

OM_ VAJRA-MĀLE ABHIṢIMCA HŪM PHAT

28_ Kim Cương Ca (Vajra-gītā):

Chữ chủng tử là: GĪ (𑖀)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây đàn Không Hâu.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगणितय हूं कुरु

OM_ VAJRA-GĪTE GANAYA HŪM PHAT

29_ Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtye):

Chữ chủng tử là: DA (ॠ).

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Yết Ma.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवृष्टवणितु हूं कुरु

OM_ VAJRA-NṚTYE VAŚĪ-KURU HŪM PHAT

30_ Kim Cương Phân Hương (Vajra-dhūpa):

Chữ chủng tử là: VAM (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Lò hương báu.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपुष्प पूजा स्मरण समये हूं हूं

OM_ VAJRA-DHŪPA PŪJA SPHARANA SAMAYE HŪM PHAT

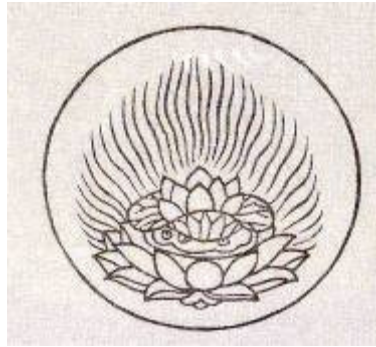
31_ Kim Cương Hoa (Vajra-puṣpa):

Chữ chủng tử là: ME (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Trên hoa sen có lá sen chứa đầy hoa nở.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपुष्प पूजा स्फारणा समये हूं फट्

OM_ VAJRA-PUṢPA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪM PHATṬ

32_ Kim Cương Đẳng (Vajra-Āloka):

Chữ chủng tử là: GRA (𑖔)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đèn nền trên hoa sen.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगन्धक पूजा स्फारणा समये हूं फट्

OM_ VAJRA-ĀLOKA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪM PHATṬ

33_ Kim Cương Đồ Hương (Vajra-gandha):

Chữ chủng tử là: GAḤ (𑖔ᑦ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vật khí chứa hương xoa bôi.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगन्धपूजास्फारणासमये हूं फट्

OM_ VAJRA-GANDHA PŪJA SPHARAṆA SAMAYE HŪṀ PHAṬ

.) Phương Đông có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

34_ Trừ Ưu Ám Bồ Tát (Śokatamo-nirghatana):

Chữ chủng tử là: AM (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay cầm cành cây



Tam Muội Gia Hình là: Cành cây.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्व शोकताम निरघाता मया स्वहा ॐ
OM _ SARVA ŚOKATAMO NIRGHĀTA MATAYE SVĀHĀ _ AM

35_ Trừ Cái Chướng Bò Tát (Sarva-nivaraṇa-viṣkambhin):

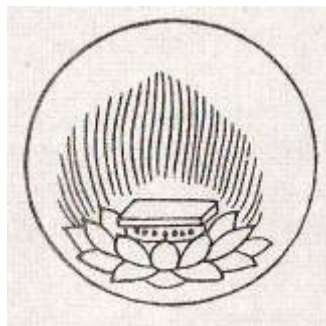
[Bản khác ghi là Diệt Ác Thú Bò Tát (Sarva-apāya-jaha)]

Chữ chủng tử là: DHVAM (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có rương Kinh Phạn



Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Chân Ngôn là:

ॐ सर्वपाया जहाया स्वहा ॐ
OM _ SARVA APĀYA-JAHĀYA SVĀHĀ _ DHVAM

36_ Kim Cương Câu (Vajra-aṃkuśa):

Chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुम्भसमस्तसर्वसमयं ह्रूं ॐ

OM VAJRA-AMKUSĀ MAHĀ-KRODHA ĀKARṢA SARVA-SAMAYĀM
HŪM JAḤ

37_ Bất Không Kiến Bồ Tát (Amogha-darśin):

Chữ chủng tử là: AḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài sen, bên trên có chày Độc Cỗ, hai bên eo chày có con mắt.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Kim Cương chữ Thập tương tự chày Kim Cương nằm ngang và con mắt Phật.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM _ AMOGHA DARŚANĀYA SVĀHĀ _ AH

38_ Di Lạc Bồ Tát (Maitreya):

Chữ chung tử là: A (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm đài sen, bên trên có bình Quân Trì.



Tam Muội Gia Hình là: Cái bình Quân Trì.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM _ MAITREYĀYA SVĀHĀ _ A

.) Phương Nam có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

39_ Trí Tràng Bồ Tát (Jñāna-ketu):

Chữ chủng tử là: TRO (𑖠)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có phan phương Như Ý.



Tam Muội Gia Hình là: Phan phương Như Ý.



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠 𑖠

OM_ JÑĀNA-KETUVE SVĀHĀ _ TRO

40_ Kim Cương Tràng Bồ Tát (Vajra-ketu):

[Bản khác ghi là Hư Không Tạng Bồ Tát (Gagana-gaṅja: Hư Không Khó)]

Chữ chủng tử là: A (𑖠)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có viên ngọc báu Như Ý.



Tam Muội Gia Hình là: Tam Biện Bảo Châu.



Chân Ngôn là:

ॐ गगन गङ्गाय स्वाहा

OM_GAGANA-GAÑJĀYA SVĀHĀ_A

41_ Kim Cương Sách (Vajra-pāśa):

Chữ chủng tử là: BHA (𑖧)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây Kim Cương.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपाणि महारुद्र प्रवेसा सर्वसमयं हूं हूं

OM_VAJRA-PĀŚA MAHĀ-KRODHA PRAVEŚA SARVA-SAMAYĀM
HŪM HŪM

42_ Đại Tinh Tiến Bò Tát (‘Sūra hay ‘Sūramgama):

Chữ chủng tử là: VI (𑖦)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cây Kịch Độc Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kịch Độc Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ सुखाय स्वहा ॥
OM _ ŚŪRĀYA SVĀHĀ _ VI

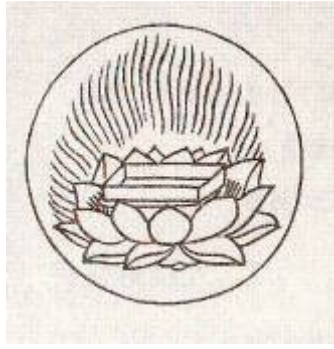
43_ Hương Tượng Bồ Tát (Gandha-hāstin):

Chữ chủng tử là: GĪ (𑖀)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, bên trên có cái bát



Tam Muội Gia Hình là: Cái bát.



Chân Ngôn là:

ॐ गन्धं हस्तिं स्वहां गी

OM_ GANDHA-HĀSTINI SVĀHĀ _ GĪ

.) Phương Tây có 5 Tôn (từ trái qua phải) là:

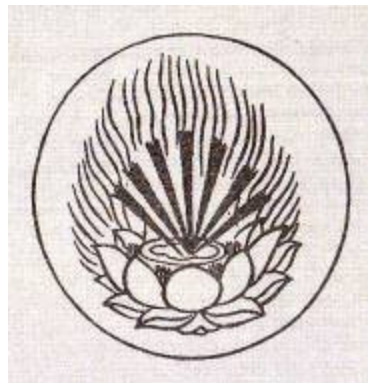
44_ Vô Lượng Quang Bồ Tát (Amita-prabha):

Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có ánh sáng.



Tam Muội Gia Hình là: Quang Minh Liên Hoa



Chân Ngôn là:

ॐ प्रभं घृणं स्वहां अ

OM_ AMITA-PRABHA SVĀHĀ _ A

45_ Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla):

Chữ chủng tử là: PRA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên hoa có Hiền Bình



Tam Muội Gia Hình là: Cái Hiền Bình.



Chân Ngôn là:

ॐ रुद्रपलय सुद

OM_BHADRA-PĀLAYA SVĀHĀ_PRA

46_ Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa):

Chữ chủng tử là: KHA (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chính giữa chày Tam Cổ có cái vòng



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रस्फोटा महाकrodha bandha bandha sarva-

OM_ VAJRA-SPHOṬA MAHĀ-KRODHA BANDHA BANDHA SARVA-SAMAYĀM HŪM VAM

47_ Vông Minh Bồ Tát (Jālinī-prabha):

[Bản khác ghi là Quang Vông Bồ Tát]

Chữ chủng tử là: JAḤ (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có lưới vông.



Tam Muội Gia Hình là: Cái lưới vông.



Chân Ngôn là:

ॐ जालिनी प्रबुध सुद ज

OM_ JĀLINĪ-PRABHĀYA SVĀHĀ_ JAḤ

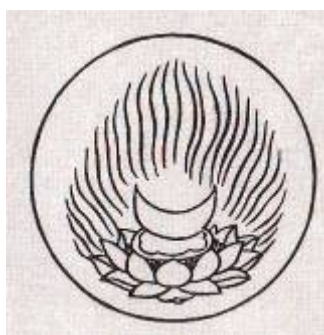
48_ Nguyệt Quang Bồ Tát (Candra-prabha):

Chữ chủng tử là: YA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có nửa vành trăng.



Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



Chân Ngôn là:

ॐ वक्र प्रभया स्वहा य

OM _ CANDRA-PRABHĀYA SVĀHĀ _ YA

.) Phương Bắc có 5 Tôn (từ trên xuống dưới) là:

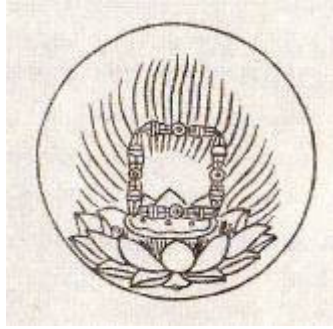
49_ Kim Cương Tạng Bồ Tát (Vajra-garbha):

Chữ chủng tử là: VI (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có 4 cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



Tam Muội Gia Hình là: Bốn cái chày Độc Cổ xếp thành hình vuông.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगर्भये स्वहा ॐ

OM_VAJRA-GARBHĀYA SVĀHĀ _ VI

50_ Văn Thù (Mañjuśrī) :

[Bản khác ghi là Vô Tận Ý Bồ Tát (Akṣaya-mati)]

Chữ chung tử là: JÑA (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có rương Kinh Phạn.



Tam Muội Gia Hình là: Rương Kinh Phạn.



Chân Ngôn là:

ॐ अक्षयमतेये स्वहा ॐ

OM_AKṢAYA-MATĀYE SVĀHĀ _ JÑA

51_ Kim Cương Linh (Vajra-aveśa):

Chữ chủng tử là: HOḤ (ॐ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Ngũ Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवेष्टि महकrodha विष्टि सर्वसमयं हूं ह्रूं

OM VAJRA-ĀVEŚA MAHĀ-KRODHA AVIŚA SARVA-SAMAYĀM
HŪM AḤ

Hay ॐ वज्रवेष्टि महकrodha विष्टि सर्वसमयं हूं ह्रूं

OM VAJRA-ĀVEŚA MAHĀ-KRODHA AVIŚA SARVA-SAMAYĀM
HŪM HOḤ

52_ Trí Tích Bồ Tát (Pratibhāna-kuṭa)

[Bản khác ghi là Văn Thù Bồ Tát (Mañjuśrī) hay Biện Tích Bồ Tát]

Chữ chủng tử là: A (ॐ)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có đám mây.



Tam Muội Gia Hình là: Đám mây ngũ sắc.



Chân Ngôn là:

ॐ वृषभस्यकुटुम्बे स्वहा ॥

OM_PRATIBHĀNA-KUTĀYA SVĀHĀ_A

53_ Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra):

Chữ chủng tử là: VAM (३)

Tôn Hình: Hai tay cầm hoa sen, trên sen có cây kiếm.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm.



Chân Ngôn là:

ॐ सम्यक्स्ये स्वहा ३

OM_SAMANTA-BHADRĀYA SVĀHĀ_VAM

_ Trong hình vuông thứ ba là 20 vị Hộ Pháp (Dharma-pāla) được xếp loại trong 5 cõi Trời tại bốn phương như sau:

5 cõi Trời ở Phương Đông (từ trái qua phải)

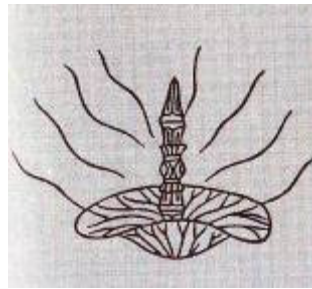
54_ Đế Thích Thiên (Śakra):

Chữ chủng tử là: DHA (ॠ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Độc Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयुद्ध स्वहा

OM_VAJRA-YUDHA SVĀHĀ_DHA

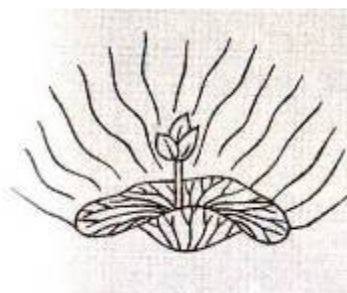
55_ Phạm Thiên (Brahma):

Chữ chủng tử là: PRA (ॡ)

Tôn Hình: Tay phải cầm phan phương, tay trái tác Kim Cương Quyền để cạnh eo.



Tam Muội Gia Hình là: Hoa sen hồng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमौल्य स्वहा प्र

OM_VAJRA-MAUNA SVĀHĀ_PRA

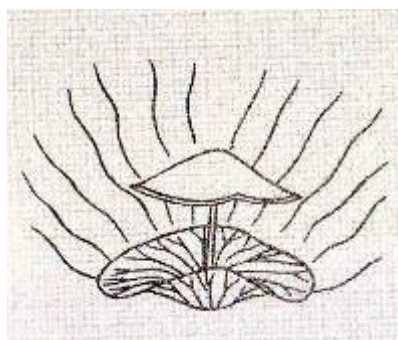
56_ Kim Cương Tội Thiên (Vajra-vikiraṇa):

Chữ chủng tử là: MO (𑖓)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình: Dù lọng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रगुह्य स्वहा म

OM_VAJRA-GŪḌHA SVĀHĀ_MO

57_ Câu Ma La Thiên (Kumāra):

Chữ chủng tử là: GHA (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cái chuông Tam Cổ



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रं घण्टा स्वहां ग

OM_VAJRA-GHAMṬA SVĀHĀ_GHA

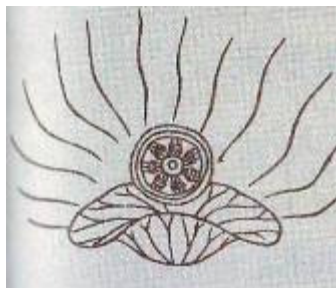
58_ Na La Diên Thiên (Nārāyaṇa):

Chữ chủng tử là: MA (𑖣)

Tôn Hình: Tay trái để bên cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm bánh xe



Tam Muội Gia Hình là: Bánh xe tám căm



Chân Ngôn là:

ॐ वल वज्र स्वहा म

OM_BALA-VAJRA SVĀHĀ_MA

5 cõi Trời ở phương Nam (từ trên xuống dưới)

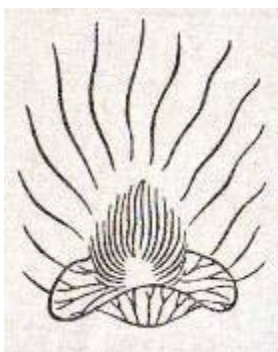
59_ Huỳnh Hoặc Thiên (Piṅgala):

Chữ chủng tử là: LA (ॡ)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đám lửa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रपिङ्गल स्वहा ल

OM_VAJRA-PINGALA SVĀHĀ_LA

60_ Tuệ Tinh Thiên (Ketu):

Chữ chủng tử là: RU (𑖀)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमुसला स्वहा ॐ

OM_VAJRA-MUSALA SVĀHĀ _RU

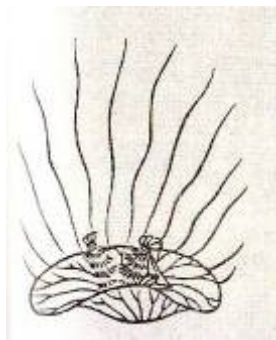
61_ Kim Cương Thục Thiên (Vajra-bhakṣam):

Chữ chủng tử là: RU (𑖀)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vòng hoa.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रमाला स्वहा रु

OM_VAJRA-MĀLA SVĀHĀ_RU

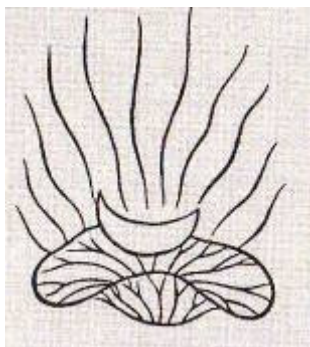
62_ Nguyệt Thiên (Candra):

Chữ chủng tử là: GA (𑖀)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Nửa vành trăng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रप्रभा स्वहा ग

OM_VAJRA-PRABHA SVĀHĀ_GA

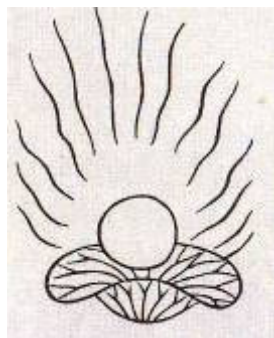
63_ Nhật Thiên (Āditya):

Chữ chủng tử là: KU (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Vành mặt trời



Chân Ngôn là:

𑖕 𑖔𑖕𑖕𑖕𑖕 𑖕𑖕𑖕 𑖕

OM_VAJRA-KUNḌALI SVĀHĀ_KU

5 cõi Trời ở phương Tây (từ trái qua phải)

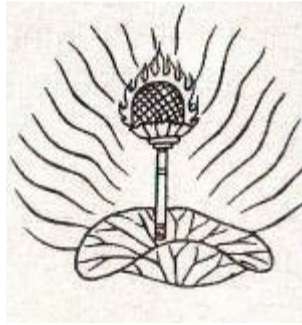
64_ La Sát Thiên (Rākṣasa):

Chữ chủng tử là: RA (𑖗)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं स्वहा ॥

OM_VAJRA-DANḌA SVĀHĀ_RA

65_ Phong Thiên (Vāyu):

Chữ chủng tử là: PA (५)

Tôn Hình: Hai tay cầm cây kích Tam Cồ



Tam Muội Gia Hình là: Phong Tràng.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रदण्डं स्वहा ॥

OM_VAJRĀNILA SVĀHĀ_PA

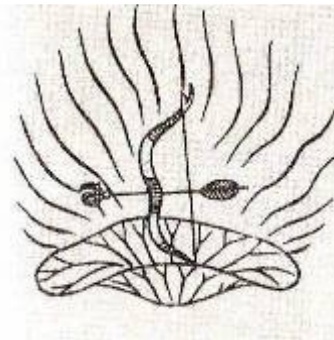
66_ Kim Cương Y Thiên (Vajra-vaśi):

Chữ chủng tử là: RU (६)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cung tên



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रवशि स्वहा रु

OM_VAJRA-VASÍ SVĀHĀ_RU

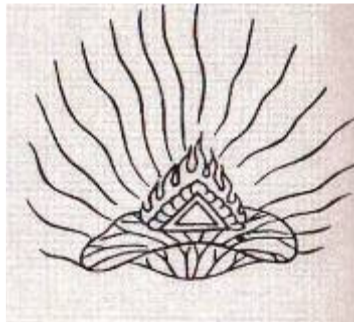
67_ Hỏa Thiên (Agni):

Chữ chủng tử là: RAM (ॠ)

Tôn Hình: Tay trái cầm cây kiếm, tay phải nâng Tam Giác Hỏa Diễm.



Tam Muội Gia Hình là: Tam Giác Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रानलसुवहारे

OM_VAJRA-ANALA SVĀHĀ_RAM

68_ Đa Văn Thiên (Vaiśravaṇa):

Chữ chủng tử là: VAI (𑖦)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Cây gậy báu



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रैश्वरसुवहारे

OM_VAJRA-BHAIRAVA SVĀHĀ_VAI

5 cõi Trời ở phương Bắc (từ trên xuống dưới)

69_ Kim Cương Diện Thiên (Vajra-mukha):

Chữ chủng tử là: PRA (𑖣)

Tôn Hình: Hai tay cầm móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Móc câu Kim Cương Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकुश स्वहा प्र

OM_VAJRĀṂKUŚĀ SVĀHĀ_PRA

70_ Diễm Ma Thiên (Yama):

Chữ chủng tử là: KA (𑖕)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội.



Tam Muội Gia Hình là: Đàn Noa (Cây gậy có đầu người).



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रकाल स्वहा क

OM_VAJRA-KĀLA SVĀHĀ_KA

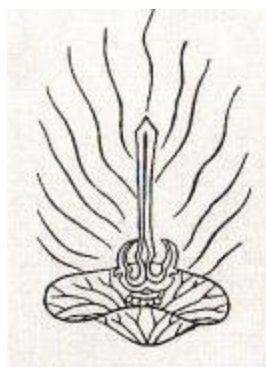
71_ Điều Phục Thiên (Vajra-jaya):

Chữ chủng tử là: JA (𑖗)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, tay phải cầm cây kiếm.



Tam Muội Gia Hình là: Cây kiếm Tam Cổ.



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रजय स्वहा ज

OM_VAJRA-JAYA SVĀHĀ_JA

72_ Tỳ Na Dạ Ca (Vināyaka):

Chữ chủng tử là: RA (𑖕)

Tôn Hình: Tay phải cầm rế củ cải, tay trái nắm quyền để ngang eo.



Tam Muội Gia Hình là: Viên Hoan Hỷ.



Chân Ngôn là:

𑖀𑖦𑖫𑖱𑖨𑖱𑖨𑖱𑖨𑖱

OM_HRĪḤ GAḤ HŪḤ SVĀHĀ_RA

73_ Thủy Thiên (Varuṇa):

Chữ chủng tử là: NA (𑖨)

Tôn Hình: Đại lược đồng với Thành Thân Hội, bộ phận trên đầu có đội đầu Ròng.



Tam Muội Gia Hình là: Sợi dây RỒNG.



Chân Ngôn là:

ॐ नमो वज्र सूक्त न

OM_NĀGA-VAJRA SVĀHĀ_NA

74_ Kim Cương Dạ Xoa (Vajra-yakṣa):

Kim Cương Dạ Xoa (Vajra-yakṣa) dịch âm là Phộc Nhật-La Dược Khất-Sái là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân của Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương Bắc.

Lại xưng là Kim Cương Nha Bồ Tát, Kim Cương Điều Phục Bồ Tát. Tên gọi riêng là: Ma Ha Phương Tiện Bồ Tát, Thâm Khả Bồ Úy Bồ Tát, Kim Cương Thượng Bồ Tát, Kim Cương Bạo Ác Bồ Tát, Tồi Phục Ma Bồ Tát...

Hoặc xưng là Kim Cương Diệm Khẩu Minh Vương, Đại Hắc Minh Vương, Kim Cương Đạm Thực Kim Cương, Kim Cương Tận Minh Vương.

Do Tôn này hay ăn nuốt tất cả nghiệp ác của chúng sinh cho nên xưng là Kim Cương Diệm Khẩu

Do có thân màu đen nên xưng là Đại Hắc.

Do hay ăn nuốt hết các hữu tình ác nên xưng là Kim Cương Tận.

Tôn này chủ về pháp tu Điều Phục, Tức Tai... hay nghiền nát Thiên Ma, tất cả các chương; hay trừ bỏ oán địch phiền não từ vô thủy, giảng phục các chúng sinh cương cường khó dạy khiến cho an trụ nơi Đạo Bồ Đề

Mật Hiệu là: **Đạm Thực Kim Cương, Điều Phục Kim Cương, Mãnh Lợi Kim Cương, Hộ Pháp Kim Cương.**

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ), hay HAḤ (ॐ), hay VAM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện tướng phẫn nộ, 3 mặt 6 cánh tay, trên đầu có tóc của Mã Vương. Mặt chính có 5 con mắt, hai mặt bên phải bên trái đều có 3 con mắt, ba mặt đều há miệng.

Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Ngũ Cổ, tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm. Bên trái: tay thứ nhất cầm cái chuông Ngũ Cổ, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm bánh xe vàng (Kim Luân).

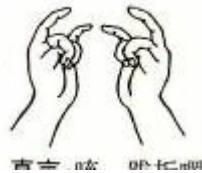
Chân trái đứng thẳng, co chân phải, hai bàn chân đều đạp lên hoa sen. Dùng châu báu nghiêm sức, toàn thân sức lửa mạnh như Kiếp Hỏa.



Tam Muội Gia Hình là: bánh xe Yết Ma, biểu thị cho nghĩa hoàn thành sự nghiệp.

Hoặc nói Tam Muội Gia Hình là: Răng nanh, chuông, chày Ngũ Cổ, cây kiếm...

Tướng Ấn là: Hai tay tác Kim Cương Quyền, duỗi ngón út, ngón trỏ để ở hai bên miệng như hình răng nanh



Chân Ngôn là:

ॐ वज्रयक्ष्म

OM_VAJRA-YAKṢA HŪM

Hay ॐ मङ्गल्यक्ष्म श्च ऋं वं ङः पृथि ॐ

OM_MAHĀ-YAKṢA-VAJRA STVAM JAḤ HŪM VAM HOḤ PRAVEŚA HŪM

[Bản khác ghi nhận vị trí này là Đại Uy Đức Minh Vương Phi, tức là vợ của Đại Uy Đức Minh Vương (Yamāntaka), biểu thị cho Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn cácv công hạnh của Đại Uy Đức Minh Vương]

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

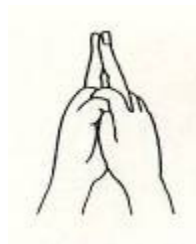
Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro đậm, tay trái để cạnh eo nắm quyền, tay phải cầm cây kích Tam Cổ.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.



Tướng Ấn là: **Phổ Thông Căn Bản Ấn.**



Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ ṢṬRI KĀLA-RŪPA HŪM KHAM SVĀHĀ

75_ Quân Đồ Lợi (Kuṇḍali):

Quân Đồ Lợi Minh Vương (Kuṇḍali), dịch âm là **Quân Đồ Lợi**, dịch ý là *cái bình*. Trong Mật Giáo cái bình là tượng trưng cho **Cam Lộ**, cho nên lại dịch là **Cam Lộ Quân Đồ Lợi** (Amṛta-kuṇḍali), là một trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân (Thân phần nộ) của Đức Phật Bảo Sinh ở phương Nam.

Quân Đồ Lợi Minh Vương dùng phương tiện Từ Bi, Thành Chứng Đại Uy Nhật Luân để chiếu diệu cho người tu hành. Và rưới rót nước Cam Lộ, dùng để tẩy rửa 3 độc phiền não trong đất Tâm của chúng sinh. Nhân đây lại gọi là **Cam Lộ Quân Đồ Lợi Minh Vương** (Amṛti-kuṇḍali).

Nhân vì thị hiện tướng phần nộ, hình mạo lại tựa như thân Dạ Xoa, cho nên cũng gọi là **Quân Đồ Lợi Dạ Xoa Minh Vương** (Kuṇḍalī-yakṣa). Ngoài ra, cũng có cách gọi khác là “**Đại Tiểu Minh Vương**”.

Pháp **Quân Đồ Lợi Minh Vương** phân nhiều dùng Điều Phục, Tức Tai, Tăng Ích làm phương diện. Nếu như người tu hành mỗi ngày trước khi ăn, dâng cúng chút ít thức ăn, sau đó niệm tụng **Quân Đồ Lợi Minh Vương Tâm Chú** 7 biến, thì bất luận ở nơi nào đều được sự gia hộ của Minh Vương. Ngoài ra, **Quân Đồ Lợi Minh Vương Chân Ngôn** cũng thường dùng để phụ trợ tu trì **Mật Pháp khác**, hoặc dùng để gia trì vật cúng. Hành Giả như pháp tu trì, cũng có thể đạt được hiệu nghiệm trừ tất cả chương nạn, khỏi bệnh, sống lâu.

Tôn Hình: Thân có một mặt 8 cánh tay. Hai tay thứ nhất kết Căn Bản Ấn. Bên phải: tay thứ hai nắm quyền đuôi ngón trỏ, tay thứ ba cầm chày Tam Cổ, tay thứ tư đuôi năm ngón tay rồi ngửa lòng bàn tay. Bên trái: tay thứ hai nắm quyền cầm cây búa Ngũ Cổ, tay thứ ba cầm bánh xe, tay thứ tư cầm sợi dây. Hai chân đạp trên hoa sen

Đại Uy Đức Minh Vương (tên Phạn là: Yamāntaka), dịch âm là **Diêm Mạn Đức Ca**, dịch ý là **Tồi Sát Diêm Ma Gia**, cho nên biệt hiệu là **Giáng Ma Tôn**; Mật hiệu là **Uy Đức Kim Cang**. Lại xưng là **Đại Uy Đức Tôn, Lục Túc Tôn**. Là một trong năm Đại Minh Vương hoặc trong tám Đại Minh Vương.

Nếu phối trí với năm vị Phật thì là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cũng có thể thấy là sự hóa hiện của Văn Thù Bồ Tát.

Trong Mật Giáo Tây Tạng, Đại Uy Đức Kim Cang tức là Bản Tôn tối cao của Vô Thượng Mật, có rất nhiều Pháp tu tương ứng với Tôn này rất nhiều với tác dụng chủ yếu phần lớn là: Giáng Phục, trừ Ma và đối trị với hàng Diêm La Tử Ma. Là Chủ Tôn của **Túc Thân Thành Tựu** trong Vô Thượng Du Già Bộ.

Trong Mật Giáo Nhật Bản, dùng **Đại Uy Đức Minh Vương** làm Bản Tôn để tu Pháp với số lượng chẳng ít. Thông thường đều dùng ở lúc chiến tranh để cầu xin được thắng lợi, với điều phục nhóm người ác.

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (HRĪḤ) hoặc 𑖇 (ṢṬRI) hoặc 𑖇 (HŪM) hoặc 𑖇 (MAM)

Tôn Hình: Thân có đủ thể lực đại uy, 6 mặt, 6 cánh tay, 6 chân, ngồi trên con Trâu, mặt có 3 con mắt, màu như mây đen, trạng thái rất phần nộ.

Thân ấy có 6 mặt 6 cánh tay 6 chân, ngồi trên con trâu cho nên nói là **Lục Diện**. Ba mặt trên đỉnh đầu thì mặt ở giữa có hình bồ tát nhu nhuyển, trên đỉnh đầu của mặt ấy có Đức **Phật A Di Đà** (Amitābha).

Lại 6 cánh tay là: Bên trái: tay thứ nhất cầm Mâu, tay thứ hai cầm sợi dây, tay thứ ba cầm cây cung. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây kiếm, tay thứ hai cầm cây gậy báu, tay thứ ba cầm mũi tên. Lại 6 chân là: Ba chân bên trái đứng tại bánh xe. Ba chân bên phải ở trên bánh xe ấy, phía dưới có con trâu, con trâu có bốn chân đứng trên tòa hoa.

Lại lưng tượng có lửa mạnh như màu hồng, lại như Phệ Lưu Ly.



Mật Hiệu là: **Đại Uy Đức Kim Cương, Trì Minh Kim Cương**

Tam Muội Gia Hình là: cây gậy (Bông)



Tượng Ấn là: **Đại Uy Đức Căn Bản Ấn _ BỔNG ẤN:**

Hai tay cùng hợp bên trong thành quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng hợp nhau như hình cây giáo. Tức biểu thị Căn Bản Ấn, cũng đem Ấn Mệnh này làm BỔNG ẤN.



Chân Ngôn là:

ॐ ह्रीं श्रि वक्रतानना हुं सर्वा शत्रुं नाशय शत्रुं शत्रुं शत्रुं शत्रुं शत्रुं

OM_ HRĪH ŚTRĪ VIKṚTĀNANA HŪM SARVA ŚATRŪM NĀŚAYA
STAMBHAYA-STAMBHAYA SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

[Bản khác ghi nhận vị trí này là **Giáng Tam Thế Minh Vương Phi**, là vợ của **Giáng Tam Thế Minh Vương** (Vajra-hūṃ-kara)]:

Giáng Tam Thế Minh Vương (tên Phạn là Trailokya-vijaya). Hán dịch là: Thăng Tam Thế, Thánh Tam Thế, Nguyệt Yểm Tôn, Kim Cương Tội Phá Giả, Phần Nộ Trì Minh Vương Tôn... là một trong năm vị Đại Minh Vương của Mật Giáo. Nếu phối trí với Đức Phật ở năm phương thì là Giáo Lệnh Luân Thân (thân Phần Nộ) của Đức Phật A Súc ở phương Đông. Do Ngài hay giáng phục Tham Sân Si trong ba đời của chúng sinh với Đại Tự Tại Thiên là chủ của ba cõi cho nên có tên gọi là Giáng Tam Thế (hoặc Hàng Tam Thế)

Lại xưng là Nguyệt Yểm Tôn, Thăng Tam Thế, Tam Thế Thăng, Giáng Tam Thế Kim Cương Bồ Tát. Là Tôn thứ hai trong 5 vị Đại Minh Vương của Mật Giáo, Tôn này đại biểu cho sự giáng phục 3 độc Tham Sân Si và 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới cho nên xưng là Giáng Tam Thế. Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Kim Cương Bộ.

Y theo Mật Giáo lưu truyền thì tu tập **Giáng Tam Thế Minh Vương Pháp** có công năng chủ yếu là Điều Phục, tức là giáng phục Thiên Ma. Nếu trì tụng Chân Ngôn của một Minh Vương này ắt vô lượng vô biên Ma Giới liền bị khổ não nóng bức

Phàm các quyền thuộc của các Ma có ý quấy rối người tu hành, khi nghe được Chân Ngôn của một Minh Vương này thời chẳng những không có cách gây chướng, thậm chí còn trở thành tôi tớ theo hầu người tu hành.

Tu tập một Pháp Minh Vương này cũng hay đắc được Công Đức của nhóm: đánh thẳng gây gộc, trừ bệnh, được người kính yêu...

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Thân màu xanh có 3 mặt, 8 cánh tay hoặc 4 mặt 8 cánh tay. Lưng sinh lửa rực, ngồi trên hoa sen.

Hai tay thứ nhất kết Giáng Tam Thế Ấn

Bên trái: tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư cầm cây Tam Xoa Kịch.

Bên phải: tay thứ hai cầm mũi tên, tay thứ ba cầm cây kiếm, tay thứ tư cầm cái chuông Ngũ Cổ.



Mật Hiệu là: **Tối Thắng Kim Cương, Hồng Ca La Kim Cương (Vajra-hūm-kara)**

Tam Muội Gia Hình là: chày Kim Cương Ngũ Cổ



Tượng Ấn là: **Giáng Tam Thế (Đại Ấn):**

Hai tay tác **Phân Nộ Quyền**, tay trái ở dưới, tay phải ở trên, hai lưng bàn tay hướng vào nhau; lúc này hai ngón út cùng móc kết nhau, dựng đứng hai ngón trỏ.

Chuyển bên trái là Tịch Trừ

Chuyển bên phải tức Kết Giới.



Chân Ngôn là:

ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ वृषभ ॐ

OM-SUMBHA NISUMBHA HŪM - GRṬṆA GRṬṆA HŪM - GRṬṆA APAYA HŪM - ĀNAYA HOḤ - BHAGAVAM VAJRA HŪM PHAṬ

_ **Giáng Tam Thế Minh Vương Phi:** Biểu thị cho Tam Muội Chính Định hay sinh ra và nuôi lớn các công hạnh của Giáng Tam Thế Minh Vương

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro, tay cầm hoa sen.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cổ.



Tượng Ấn là: Giáng Tam Thế Ấn



Chân Ngôn là:

ॐ सत्त्वावज्रि ज्वाला बलाक्रोधा म्

HŪM SATVA-VAJRI JVALA BALAKRODHA HŪM PHAT ABHIṢIṂCA MĀM

77_ Bất Động (Acala-nātha):

Lại xưng là Bất Động Kim Cương Minh Vương, Bất Động Tôn, Vô Động Tôn, Vô Động Tôn Bồ Tát... là một trong 5 vị Đại Minh Vương, một trong 8 vị Đại Minh Vương.

Bất Động Minh Vương là ứng hóa thân của Đại Nhật Như Lai, thọ nhận Giáo Mệnh của Đức Như Lai, thị hiện tướng phần nộ, thường trụ ở Hỏa Sinh Tam Muội, hay thiêu đốt hết chương nạn bên trong bên ngoài với các phiền não, tồi diệt tất cả Ma Quân oán địch.

Do Tôn này có thế nguyện làm tôi tớ của chư Phật, thực hành mọi công việc, nhận thức ăn dư thừa do Hành Giả cúng dường, ngày đêm ủng hộ Hành Giả, khiến

người ấy viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, cho nên Ngài có tên gọi là Bất Động Sứ Giả, Vô Động Sứ Giả (Acala-cetaka)

Tôn này là Giáo Lệnh Luân Thân của Đại Nhật Như Lai, hay giảng phục tất cả Ma.

Chữ chủng tử là: HMAM (𑖕) hay HĀM (𑖔) hay MĀM (𑖓)

Tôn Hình: Thân màu đen xanh, hiện thân Đồng Tử, nheo một mắt, ngậm miệng, đầu đội hoa sen, tóc kết thành bện dài rủ xuống ngực, tay phải cầm cây kiếm, tay trái cầm sợi dây, ngồi trên bàn đá

Hoa sen trên đầu biểu thị cho **Thức thứ chín** (Amala-vijñāna: Vô Cấu Thức).

Nheo một mắt biểu thị cho việc dùng con mắt của Như Lai, bình đẳng quán sát tất cả chúng sinh không sót một ai.

Ngậm miệng biểu thị cho sự dứt trừ hạt giống Nghiệp Thọ và dứt nghỉ các lời hý luận

Tay phải cầm cây Kiếm, biểu thị cho đoạn trừ Phiền Não Ma. Hoặc thừa lệnh Phần Nộ của Như Lai muốn giết hại tất cả niệm của chúng sinh trong tâm, cắt đứt Nghiệp **Thọ** không cùng của chúng sinh khiến họ sinh được Đại Không.

Tay trái cầm sợi dây, biểu thị cho Phương Tiện Tự Tại, dùng bốn Nhiếp Pháp của Tâm Bồ Đề bắt trói những kẻ ngang ngược chẳng chịu hàng phục.

Ngồi trên bàn đá biểu thị cho việc trấn giữ chướng nặng nề khiến cho nó chẳng động, thành núi Diệu Cao Vương của Tâm Tịnh Bồ Đề



Mật hiệu là **Thường Trụ Kim Cương**.

Tam Muội Gia Hình là: Tuệ Kiếm



Tướng Ấn là: **Căn Bản Ấn**. Còn gọi là **Châm Ấn**, **Độc Cổ Ấn**. Tức hai tay Nội Phộc, hai ngón cái để ở bên cạnh hai ngón vô danh, để đầu hai ngón giữa ở mặt hai ngón cái, dựng hợp hai ngón trỏ. Hai ngón trỏ biểu thị cho cây kiếm; hai ngón cái, hai ngón vô danh biểu thị cho sợi dây. Hoặc hai ngón vô danh, hai ngón giữa biểu thị cho bốn Ma, dùng hai ngón cái để lên tức biểu thị cho nghĩa giáng phục bốn Ma.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः सर्व तथगतेश्वर्यै नमः सर्व मुखेश्वर्यै नमः सर्व शूल शस्त्र मन्त्र तथाम
 त्र्यै नमः सर्व तथगतेश्वर्यै नमः सर्व शूल शस्त्र मन्त्र तथाम

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ
 SARVATHĀ TRĀṬ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA KHAṀ KHAHI KHAHI
 SARVA VIGHNA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

[Bản khác ghi nhận vị trí này là Bất Động Minh Vương Phi, là vợ của Bất Động Minh Vương (Acala-nātha)].

Chữ chủng tử là: HŪM (ॐ)

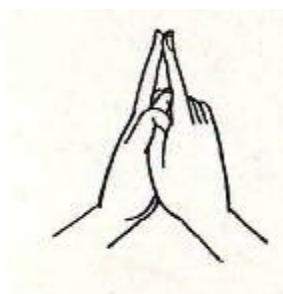
Tôn Hình: Hiện hình Thiên Nữ, thân màu xám tro xanh, hai tay cây đàn Không Hâu, làm tư thế búng gảy đàn.



Tam Muội Gia Hình là: Chày Tam Cỗ



Tượng Ấn là: Độc Cỗ Ấn.



Chân Ngôn là:

ॐ नमः समन्तवज्रानाम् त्रयं अमोघाचण्डा महा-
रोषाणां सफाटया हुं त्रयं मम त्रयं मम त्रयं हुं त्रयं

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM _ TRĀṬ AMOGHA-CAṆḌA MAHĀ-
ROṢAṆA SPHAṬAYA HŪṀ _ TRĀMAYĀ TRĀMAYA HŪṀ TRĀṬ HĀM
MĀM